

PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHỨC NĂNG CỦA QUỐC HỘI TRONG VIỆC QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội và chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội

Điều 69 Hiến pháp năm 2013 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.” Theo quy định này, Quốc hội có ba chức năng:

- Chức năng lập hiến và lập pháp (gọi tắt là chức năng lập pháp)

Ở nước ta, Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến. Theo Khoản 3 Điều 49 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, Ủy ban Thường vụ Quốc hội còn có quyền. giải thích Hiến pháp. Trong khi đó, nước ta không có cơ quan bảo hiến. Như vậy, thực chất Quốc hội nắm cả ba quyền: lập hiến, lập pháp và bảo hiến. Trong khi đó, ở nhiều nước, Quốc hội chỉ có chức năng lập pháp: hiến pháp do Quốc hội lập hiến hoặc Hội nghị Lập hiến soạn thảo và ban hành dựa trên kết quả trưng cầu ý dân: còn bảo hiến là chức năng của Tòa án Tối cao hoặc Hội đồng Hiến pháp, Tòa án Bảo hiến.

Về lập pháp, Quốc hội không phải cơ quan duy nhất ở nước ta có chức năng này. Theo quy định tại văn bản, Điều 2 Luật ban hành văn quy phạm pháp luật năm 2008 thì hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nước ta bao gồm 12 loại, mỗi loại do một hoặc một số chủ thể khác nhau ban hành. Đó là: Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ; nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: thông tư của Bộ trưởng, thủ

trưởng cơ quan ngang bộ; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân - xã hội; thông tư liên tịch giữa Viện dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, giữa các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ; văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 hệ thống văn bản quy phạm pháp luật gồm 15 loại:

- 1) Hiến pháp.
- 2) Bộ luật, luật (sau đây gọi chung là luật), nghị quyết của Quốc hội,
- 3) Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- 4) Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
- 5) Nghị định của Chính phủ: nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- 6) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- 7) Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án
- 8) Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân nhân dân tối cao, thông tư của bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án. nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: thông tư liên tịch giữa bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân. dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, quyết định của Tổng kiểm toán Nhà nước.
- 9) Nghị quyết của hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).
- 10) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

11) Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

12) Nghị quyết của hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).

13) Quyết định của ủy ban nhân dân cấp huyện.

14) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

15) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Chức năng giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước (gọi tắt là chức năng giám sát).

Ở nước ta, cơ quan đại biểu nhân dân (cơ quan dân cử) được thành lập ở cả bốn cấp chính quyền. Cơ quan đại biểu nhân dân từ cấp tỉnh trở xuống là Hội đồng nhân dân. Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân thực hiện “giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình: giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp và văn bản của Hội đồng nhân dân cấp huyện”. Ngoài ra, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các thành viên của tổ chức này và mọi công dân đều có quyền giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Trong toàn bộ hoạt động giám sát của các tổ chức, cá nhân đó, giám sát của Quốc hội giữ vị trí giám sát tối cao.

- Chức năng quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân (gọi tắt là chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước).

b) Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước

- Các chức năng của Quốc hội được Điều 70 của Hiến pháp năm 2013 cụ thể hóa thành 15 nhiệm vụ và quyền hạn, trong đó có nhiều nhiệm vụ, quyền hạn thể hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước:

- 1) Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật;
- 2) Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội: xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, kiểm toán Nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.
- 3) Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
- 4) Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia: quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước;
- 5) Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước.
- 6) Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương và cơ quan khác do Quốc hội thành lập:
- 7) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc và Chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập, phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia.

Sau khi được bầu, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phải tuyên thệ trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp:

8) Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn;

9) Quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật.

10) Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội;

11) Quyết định đại xá;

12) Quy định hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước;

13) Quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình, quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia;

14) Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại: phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội;

15) Quyết định trưng cầu ý dân.

2. Quyền và trách nhiệm đại biểu Quốc hội trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước

a) Căn cứ pháp lý của Quyền và trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước trước hết dựa trên địa vị pháp lý của đại biểu Quốc hội Điều 79 Hiến pháp năm 2013 quy định: “đại biểu

Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước.."

Điều 21 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định cụ thể thêm: “đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân, không chỉ đại diện cho Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước: là người thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội”.

Quyền và trách nhiệm của đại biểu Quốc hội còn dựa trên những quy định cụ thể của pháp luật. Điều 26 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định: “đại biểu Quốc hội có nhiệm vụ tham gia các phiên họp toàn thể của Quốc hội, các cuộc họp của Tổ đại biểu Quốc hội, của Đoàn đại biểu Quốc hội: thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội. Đại biểu Quốc hội là thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm tham gia các phiên họp, thảo luận, biểu quyết các vấn đề và tham gia các hoạt động khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên”.

Khoản 3, Điều 26 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2020 quy định: “Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách có trách nhiệm tham gia hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và các hội nghị khác do Ủy ban thường vụ Quốc hội triệu tập. Đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách có quyền đăng ký tham dự hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách để thảo luận về những nội dung mà đại biểu quan tâm”.

b) Nội dung quyền và trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước

Căn cứ lời văn và tinh thần của các quy định nói trên, đại biểu Quốc hội có các quyền và trách nhiệm sau:

- Kiến nghị những vấn đề đối nội, đối ngoại quốc hội cần xem xét, quyết định:
- Thảo luận các chính sách đối nội, đối ngoại, các dự án, công trình quan trọng được Quốc hội xem xét, quyết định;
- Biểu quyết về chính sách, dự án.

Có thể điểm lại nội dung một số kỳ họp để thấy đại biểu Quốc hội cần thực hiện quyền và trách nhiệm quyết định một số vấn đề quan trọng của đất nước như thế nào. Ví dụ, qua năm kỳ họp đầu của Quốc hội khoá XII, Quốc hội đã xem xét, quyết định một số vấn đề quan trọng như sau:

- Bầu Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lãnh đạo các cơ quan của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: phê chuẩn các thành viên Hội đồng Quốc phòng, An ninh theo đề nghị của Chủ tịch nước; phê chuẩn các Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ (tại Kỳ họp thứ nhất).

- Xem xét, quyết định việc rút ngắn nhiệm kỳ hoạt động của Quốc hội khóa XII từ 5 năm xuống 4 năm (Kỳ họp thứ nhất).

- Xem xét, quyết định việc mở rộng Thủ đô Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Hà Nội với tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh của tỉnh Vĩnh Phúc và bốn xã thuộc huyện Lương Sơn của tỉnh Hoà Bình (Kỳ họp thứ ba).

- Ban hành Nghị quyết giải quyết một số vấn đề sau khi kết thúc việc thực hiện Nghị quyết số 16/2003/QH11 về việc thí điểm tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Kỳ họp thứ ba).

Xem xét, quyết định việc thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, huyện, phường tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Kỳ họp thứ tư).

Xem xét, quyết định việc điều chỉnh nhiệm kỳ hoạt động 2004-2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp (Kỳ họp thứ tư).

- Xem xét, quyết định việc đổi mới cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 (Kỳ họp thứ năm).

Như vậy, có thể nói trong mỗi kỳ họp, bên cạnh hoạt động lập pháp và giám sát, Quốc hội đều xem xét, quyết định một số vấn đề có những tầm mức quan trọng khác nhau đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng,

an ninh. Tuy nhiên, một số vấn đề quan trọng đã không được trình Quốc hội xem xét, quyết định. Cụ thể là:

- Việc lập và sử dụng gói kích cầu trị giá 8 tỷ USD để khắc phục ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới (2008-2009).
- Việc thực hiện các dự án khai thác bôxít ở Tây Nguyên.

Ngoài ra, có trường hợp, một chủ trương quan trọng được Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định, nhưng Quốc hội chưa bàn bạc thì đã triển khai. Đó là chủ trương phát hành 20.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ. Kỳ họp thứ năm của Quốc hội chưa bắt đầu thảo luận chủ trương này nhưng báo chí đã đăng tin Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính ứng trước và phân bổ số tiền dự kiến thu được từ số trái phiếu đó.

Công tác chuẩn bị trình Quốc hội xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước trong các kỳ họp trên cũng còn một số hạn chế như sau:

1- Việc lựa chọn vấn đề trình Quốc hội nhiều khi chưa được xem xét thấu đáo để có quyết định hợp lý.

Ví dụ, tại Kỳ họp thứ năm, trong khi dành thời gian bàn khá kỹ về học phí và việc đổi mới cơ chế tài chính giáo dục - đào tạo, một vấn đề hoàn toàn thuộc quyền điều hành của Chính phủ, thì Quốc hội lại không bàn những vấn đề có tầm quan trọng lớn hơn đối với sự phát triển của đất nước và thuộc thẩm quyền quyết định của mình như: gói kích cầu, dự án khai thác bôxít ở Tây Nguyên.

Theo giải trình của Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư tại phiên chất vấn tháng 3-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì gói kích cầu chỉ sử dụng 17.000 tỷ đồng tiền mặt, lấy từ quỹ dự trữ ngoại hối, đúng thẩm quyền của Chính phủ theo quy định của Luật ngân hàng. Tuy nhiên, theo Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ năm, tổng trị giá gói kích cầu, bao gồm cả lượng thuế được giãn, hoãn, miễn và hỗ trợ lãi suất ngân hàng, lên đến 8 tỷ USD. Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 84 của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi năm 2001) thì việc quyết định sử dụng ngân sách lập gói kích cầu này thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

Theo giải trình của Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ tại phiên chất vấn ở Kỳ họp thứ năm của Quốc hội thì các dự án khai thác bôxít ở Tây Nguyên

là những dự án độc lập, không thuộc phạm vi dự án, công trình quan trọng quốc gia phải trình Quốc hội xem xét, quyết định. Tuy nhiên, nhiều đại biểu đã chỉ ra rằng theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 66/2006/QH 11 thì dự án, công trình quan trọng quốc gia thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết bao gồm “dự án đầu tư, dự án một công trình độc lập hoặc một cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau. Và theo Điều 2 của Nghị quyết 66, “Dự án, công trình có một trong năm tiêu chí sau đây là dự án, công trình quan trọng quốc gia:

+ Quy mô vốn đầu tư từ 20.000 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với dự án, công trình có sử dụng từ ba mươi phần trăm vốn nhà nước trở lên.

+ Dự án, công trình có ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm:

- Nhà máy điện hạt nhân;

- Dự án đầu tư sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ đầu nguồn từ 200 ha trở lên: đất rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 500 ha trở lên: đất rừng đặc dụng từ 200 ha trở lên, trừ đất rừng là vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, đất rừng sản xuất từ 1000 ha trở lên.

+ Dự án, công trình phải di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên các vùng khác.

+ Dự án, công trình đầu tư tại địa bàn đặc biệt quan trọng đối với quốc gia về quốc phòng, an ninh hoặc có di tích quốc gia có giá trị đặc biệt quan trọng về lịch sử, văn hóa.

+ Dự án, công trình đòi hỏi phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định". Chiếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 và bất kỳ khoản nào của Điều 2 Nghị quyết 66/2006/QH11 (có lẽ chỉ trừ Khoản 5), dự án khai thác bôxít ở Tây Nguyên đều thuộc diện phải trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

Trách nhiệm cao nhất trong việc lựa chọn vấn đề quan trọng để trình Quốc hội thuộc về Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, các đoàn đại biểu Quốc hội và môi đại biểu Quốc hội cũng phải chịu trách nhiệm về vấn đề như không trao đổi với nhau về chương trình kỳ họp, các đại biểu Quốc hội hầu như cũng không phát biểu ý kiến gì khi nhận được dự kiến chương trình kỳ họp mà

Ủy ban Thường vụ Quốc hội gửi tới. Cơ hội cuối cùng là phiên trù bị thường cũng bị bỏ qua. Cũng may là do nắm bắt được thông tin qua dư luận quần chúng, nhiều đại biểu Quốc hội đã yêu cầu Chính phủ báo cáo vấn đề khai thác bôxít ở Tây Nguyên và phát biểu ý kiến trong nhiều phiên họp, dẫn đến quyết định sau đó của Bộ Chính trị chỉ đồng ý cho khai thác thử ở hai địa điểm Tân Rai (thuộc tỉnh Đắk Nông) và Nhân Cơ (thuộc tỉnh Lâm Đồng).

2- Một số đề án, dự án chuẩn bị chưa kỹ, thậm chí chưa phù hợp với quy định của Hiến pháp, pháp luật vì nhiều lý do vẫn được trình ra và đề nghị Quốc hội thông qua. Ví dụ:

+ Tại Kỳ họp thứ ba, Chính phủ trình Quốc hội thông qua Đề án mở rộng Thủ đô Hà Nội. Tờ trình và Đề án được chuẩn bị khá đơn giản. Theo giải trình của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại hội nghị thẩm tra sơ bộ Đề án do Thường trực Ủy ban Pháp luật chủ trì có sự tham gia của đại diện Thường trực Hội đồng Dân tộc và một số ủy ban của Quốc hội, Chính phủ không tổ chức thảo luận Đề án mà chỉ gửi phiếu xin ý kiến các thành viên Chính phủ. Sau khi được hội nghị góp ý, Tờ trình và Đề án đã được chỉnh lý, trình Quốc hội nhưng vẫn còn nhiều sơ hở về lập luận, còn thiếu cụ thể, thậm chí không kèm theo một tấm bản đồ nào. Tuy vậy, sau khi được các tổ Đảng quán triệt, đại biểu Quốc hội vẫn biểu quyết thông qua Đề án với tỷ lệ phiếu thuận gần như tuyệt đối (92,9%), khác hẳn tỷ lệ phiếu thăm dò (226 phiếu thuận/226 phiếu chống).

+ Tại Kỳ họp thứ tư, Chính phủ trình Quốc hội Đề án thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, huyện, phường và nhân dân trực tiếp bầu chủ tịch xã. Cơ quan thẩm tra và nhiều đại biểu đã nhận xét là nội dung Đề án trái với quy định tại Điều 123 của Hiến pháp, nhưng cuối cùng, Đề án vẫn được thông qua, trừ nội dung nhân dân trực tiếp bầu chủ tịch xã do có lời cảnh báo của một số đại biểu về tính phức tạp của vấn đề nên đã được gác lại.

+ Tại Kỳ họp thứ năm, Chính phủ trình Quốc hội Đề án đổi mới cơ chế tài chính giáo dục và đào tạo giai đoạn 2010-2015. Thời gian gửi Đề án đến cơ quan thẩm tra và đại biểu Quốc hội quá gấp, hạn chế khả năng tiếp cận vấn đề của đại biểu.

Trách nhiệm trong việc cho phép trình những đề án chưa được chuẩn bị chu đáo ra Quốc hội chủ yếu thuộc về Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng các đại biểu Quốc hội cũng không thể vô can vì đã dễ dãi thông qua những dự án đó.

Đây là những ví dụ thực tế để đại biểu Quốc hội các khóa sau rút kinh nghiệm, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

c) Phương tiện thực hiện

Đại biểu Quốc hội thực hiện quyền và trách nhiệm đối với việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước thông qua các phương tiện sau:

- Diễn đàn Quốc hội, cụ thể là các phiên họp của Hội đồng Dân tộc hoặc các ủy ban của Quốc hội mà đại biểu là thành viên; các hội nghị, hội thảo do các cơ quan của Quốc hội tổ chức; các cuộc họp tổ và thảo luận trên hội trường trong kỳ họp Quốc hội.

- Lá phiếu và nút bấm biểu quyết. Phiếu thường được dùng để bầu, phê chuẩn, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thể hiện tín nhiệm đối với nhân sự cao cấp của các cơ quan nhà nước ở trung ương; bầu, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Dân tộc hoặc các ủy ban của Quốc hội; miễn nhiệm đại biểu Quốc hội. Nút bấm được sử dụng để biểu quyết trong các trường hợp còn lại (thông qua các điều luật còn nhiều ý kiến khác nhau, thông qua toàn bộ luật, thông qua các dự án phát triển kinh tế - xã hội và các chủ trương khác).

Diễn đàn báo chí

Báo chí là một kênh giao tiếp quan trọng. Đại biểu sử dụng diễn đàn này (viết bài, trả lời phỏng vấn) trước hết là để thực hiện nhiệm vụ đại biểu của mình, cụ thể là để tuyên truyền chính sách, pháp luật của Nhà nước cho nhân dân; để bày tỏ chính kiến của mình trước các sự kiện, các vấn đề thời sự nhằm tác động đến các cơ quan, tổ chức, các đại biểu khác và đến công chúng, tranh thủ sự đồng tình, chia sẻ của các tổ chức, cá nhân này đối với quan điểm của mình về kinh tế - xã hội, về một dự thảo luật hay về một công trình quan trọng quốc gia mà Quốc hội đang xem xét. Đại biểu trả lời báo chí còn là để báo cáo với cử tri về hoạt động của mình thực hiện chương trình hành động lúc tranh cử, qua đó xây dựng hình ảnh của mình trước cử tri và công chúng. Bởi vậy, đại biểu không nên né tránh mà cần tích cực, chủ động trả lời phỏng vấn báo chí.

d) Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực quyết định của đại biểu Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực quyết định của đại biểu Quốc hội là:

- Trình độ lý luận, thực tiễn và sự nhạy cảm chính trị của đại biểu. Đại biểu càng có trình độ lý luận, càng từng trải và nhạy cảm trước các vấn đề, các tình huống trong cuộc sống thì càng có quyết định đúng đắn.

- Thông tin liên quan đến vấn đề mà đại biểu sẽ quyết định. Có thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, đại biểu sẽ quyết định đúng đắn hơn.

- Những lợi ích mà đại biểu cần cân nhắc. Đại biểu có đặt quyền lợi chung của đất nước, của cử tri lên hàng đầu thì mới có được quyết định đúng đắn trước các vấn đề được thảo luận, biểu quyết.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp năm 2013
2. Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015
3. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015
4. Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 và 2020